TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2024/HS-PT
Ngày: 10-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Đặng Văn Chum.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 110/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Trần Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2024/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1976, tại tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: Số A, đường L, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Trần Thị Ú (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh năm 1976; có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ ngày 08/3/2023 đến ngày 11/3/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 07 bị cáo, 01 bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T làm lái xe chở hàng cho Công ty TNHH I (sau đây viết tắt là Công ty I) tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Công ty I cung cấp mút xốp cho Công ty TNHH P (sau đây viết tắt là Công ty P) ở đường số H, Khu công nghiệp S, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Phạm Thành L là nhân viên của Công ty P làm nhiệm vụ nhận hàng của Trần Văn T và đưa nguyên liệu sản xuất vào xưởng 2D của Công ty.

Phạm Thành L, Đinh Hoài E, Lê Văn L1, Lê Thành N, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị H, Lê Thị T2 cùng làm việc cho Công ty P.

Ngày 05/3/2023, Phạm Thành L nhờ Trần Văn T chở túi xách do L chiếm đoạt của Công ty P ra ngoài thì T đồng ý.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 08/03/2023, Công ty I phân công Trần Văn T chở hàng mút xốp đến Công ty P để giao hàng; Trần Văn T gọi điện thoại cho Phạm Thành L báo cho L biết đang trên đường chở hàng đến giao tại Công ty P nên L bàn bạc với T sẽ báo với bảo vệ cổng ra hàng 06 bao. Đến khoảng 09 giờ 00 cùng ngày, Trần Văn T điều khiển xe tải nhãn hiệu Hyundai, biển số 62LD-0479 chở theo hàng mút xốp đến điểm giao hàng tại xưởng B và C của Công ty P. Khi vào cổng Công ty thì T xuống xe gặp bảo vệ đăng ký để vào cổng giao hàng và nói bảo vệ giao 17.426.000 cái mút xốp cho Công ty P được đựng trong 40 bao. Trở nói với bảo vệ sẽ có hàng ra 06 bao (tức là khi giao hàng xong, lúc về T sẽ mang ra 06 bao hàng mút xốp). Theo quy định của Công ty, khi có người đến giao hàng khi quay ra có hàng phải đăng ký với bảo vệ, hàng này phải là hàng dư sẵn có trên thùng xe, còn đối với hàng trong Công ty muốn ra ngoài phải có giấy tờ đóng dấu của Công ty P. Thực tế, Trần Văn T giao hết số hàng chở đến cho Công ty P, không còn hàng dư.

Sau khi đăng ký với bảo vệ, Trần Văn T điều khiển xe ô tô đến xưởng B và C để giao hàng, khi xuống hết hàng cho Công ty tại xưởng B và C, T gặp Phạm Thành L bên ngoài xưởng B, C. L nói với T qua xưởng 2D để lấy hàng. Tại đây, Trần Văn T xuống xe đứng ở bên hông xe còn Phạm Thành L tự vào container lấy 10 thùng giấy bên trong đựng 99 túi xách, xếp lên xe và lấy 03 bao mút xốp để bên ngoài cùng nhằm che giấu 10 thùng carton đựng túi xách bên trong. Sau đó, Trần Văn T điều khiển xe ra cổng thì bảo vệ (cổng A) kiểm tra, phát hiện 10 thùng carton bên trong có 99 túi xách, không có giấy tờ ra cổng nên giữ Trần Văn Trở lại và yêu cầu Phạm Thành L đến làm việc. Tuy nhiên, Phạm Thành L đã bỏ trốn khỏi Công ty. Đến trưa ngày 09/3/2023, Phạm Thành L đến Đồn Công an Khu công nghiệp S đầu thú.

Quá trình làm việc, Phạm Thành L khai nhận đã cùng đồng phạm chiếm đoạt tài sản của Công ty P, như sau:

Tháng 11/2022, Nguyễn Thị T1 gặp L tại cuối chuyền của T1, L rủ T1 chiếm đoạt túi xách tại chuyền của T1 đưa ra ngoài bán lấy tiền chia nhau với giá 100.000 đồng/túi xách. Khoảng 15 giờ ngày 23/02/2023, T1 đang làm việc tại xưởng, thấy L nên T1 nói L lấy thùng hàng ở cuối chuyền làm việc. Khoảng 19

giờ cùng ngày, các công nhân đang còn làm việc, L vào lấy thùng hàng mà T1 đã nói lúc chiều mang xuống cất giấu trong container số 2 tính từ bên ngoài vào. Khoảng 05 ngày sau, L thấy T1 thiếu tiền tiêu xài nên L đưa cho T1 4.500.000 đồng, trong đó có 2.300.000 đồng tiền túi xách mà T1 đã đưa cho L.

Ngoài ra, Phạm Thành L còn rủ Lê Văn L1 lấy trộm túi xách của Công ty đi bán lấy tiền tiêu xài. Phạm Thành L nói trả cho Lê Văn L1 125.000 đồng/túi nhỏ và 200.000 đồng/túi lớn. Sau đó, Lê Văn L1 rủ Đinh Hoài E lấy trộm túi xách của Công ty để đem bán. Đinh Hoài E đã lấy 05 túi mã M0117017, loại Jacquard T, size Medium, màu vàng rồi cho vào 01 thùng giấy và đưa cho Lê Văn L1. Trong quá trình làm việc, Lê Văn L1 lấy 02 túi mã 4P3HTT022H03, loại Terry Jumbled Logo Pato, size Medium, màu hồng; 02 túi mã 4P3HTT022H03, loại Terry Jumbled L, size Medium, màu vàng; 02 túi mã M0016493, loại Color T, size Mini, màu xanh cho vào thùng giấy của L1. Sau đó, tiếp tục lấy 08 túi mã M0017027, loại Jacquard Tote Bag, size Medium, màu đen cho vào thùng giấy. Vào khoảng 18 giờ 00 ngày 02/3/2023, Lê Văn L1 nói với Phạm Thành L thùng hàng đã làm xong, để ở sau chuyền. Đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, L đi vào chỗ L1 đang làm lấy 01 thùng carton ở cuối chuyền bên trong đựng túi xách loại The Medium tote mang ra ngoài và để vào bên trong container số 2 (tính từ ngoài cổng đi vào) trước xưởng 2D.

Khoảng tháng 3/2022, do có mâu thuẫn với Nguyễn Thị H nên Phạm Thành L không muốn gặp Nguyễn Thị H để xin túi xách tại chuyền sản xuất của H. Luân đến siêu thị nguyên liệu của xưởng 2D nhờ bạn gái là Lê Thị T2 đến gặp H xin cho L 02 túi xách. Khoảng 09 giờ một ngày đầu tháng 10/2022, do chuyền sản xuất của Nguyễn Thị H bị thiếu hụt nguyên phụ liệu nên H đến siêu thị N1 gặp Lê Thị T2. Khi H hỏi xin phụ liệu thì T2 cũng nhờ H cho T2 xin 02 túi xách; H đồng ý và nói rằng để H về chuyền xem nếu có dư túi xách nào thì sẽ lấy cho T2. Sau khi xin phụ liệu xong, H về chuyền sản xuất nơi làm việc, thấy 01 túi xách hiệu The Large Tote, màu vàng cát (còn gọi tên khác J loại lớn, giống màu trắng) trên chuyền có dư ra nên H mang túi xách này đến siêu thị đưa cho T2. Khoảng 03 ngày sau, Nguyễn Thị H tiếp tục lấy thêm 01 túi xách loại The Large Tote, màu vàng cát (còn gọi tên khác J loại lớn, giống màu trắng) rồi đến siêu thị đưa cho Lê Thị T2. Sau khi nhận được 02 túi xách (trị giá 1.100.260 đồng/túi xách), T2 cất giấu tại vị trí làm việc của mình. Đến ngày 02/3/2023, T2 báo cho L biết; nên L đến siêu thị N1 gặp T2 và lấy 02 túi xách cất giấu tại container số 2.

Lê Thành N phụ trách kỹ thuật của xưởng sản xuất, trong thời gian làm việc, do chuyền sản xuất bị thiếu vật liệu nên N thường xin vật liệu của L. L có nói với N cho L xin túi xách về cho người thân. Khoảng 15 giờ 00 ngày 03/3/2023, N lấy trộm 10 túi xách hiệu Jacquard Tote Bag loại trung bình, màu đen rồi bỏ vào trong 01 thùng giấy cất giấu ở cuối chuyền A4. Sau đó, Lê Thành N gọi điện thoại nói cho L vị trí để thùng giấy chứa túi xách. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, L đến vị trí N chỉ và lấy thùng giấy này. Sau khi lấy được thùng hàng, L có gọi điện thoại báo cho N biết.

Khoảng tháng 02/2023, khi khách hàng đến Công ty kiểm tra xưởng, Phạm Thành L được Công ty giao dọn dẹp trên xưởng KC thu gom những nguyên vật liệu không sử dụng, hàng bị lỗi thì cắt bỏ hết. L lên xưởng này thu gom túi xách cho vào 05 thùng giấy và cất 05 thùng này vào trong container số 9. Tổng cộng số túi xách trong 05 thùng này là 45 túi xách nhiều nhãn hiệu gồm: 03 túi xách hiệu The Mini Tote, màu xanh; 09 túi xách hiệu The Mini Tote, màu đen; 09 túi xách hiệu The Medium Tote màu đen; 02 túi xách hiệu The Medium Tote màu trắng; 02 túi xách hiệu The Small Tote màu đen; 01 túi xách hiệu The Medium Tote màu đen; 05 túi xách hiệu Backpack 30L màu đen; 03 túi xách hiệu The Small Tote màu đen và 03 túi xách hiệu The Mini Tote màu đen; 07 túi xách hiệu The Large Tote màu trắng (Warm Sand); 01 túi xách hiệu The Large Tote màu đen.

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 131/BBĐG-HĐĐGTS ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố D, tỉnh Bình Dương:

+ 05 túi xách hiệu Color Tote Bag loại nhỏ, màu xanh trị giá 2.196.280 đồng.

+ 23 túi xách hiệu Color Tote Bag loại trung bình, màu đen trị giá 11.716.338 đồng.

+ 03 túi xách hiệu Monogram Printed Tote loại lớn, màu đen trị giá 2.509.443 đồng.

+ 03 túi xách hiệu Monogram Printed Tote loại nhỏ, màu đen trị giá 2.151.555 đồng.

+ 01 túi xách hiệu Jacquard Tote Bag loại lớn, màu đen trị giá 1.100.260 đồng.

+ 09 túi xách hiệu Jacquard Tote Bag loại lớn, màu trắng trị giá 9.902.340 đồng.

+ 09 túi xách hiệu Jacquard Tote Bag loại nhỏ, màu đen trị giá 6.991.380 đồng.

+ 27 túi xách hiệu Jacquard Tote Bag loại trung bình, màu đen trị giá 26.707.077 đồng.

+ 07 túi xách hiệu Jacquard Tote Bag loại loại trung bình trị giá 6.924.057 đồng.

+ 02 túi xách nhãn hiệu Monogram Tote loại lớn, màu đen trị giá 1.727.366 đồng.

+ 02 túi xách hiệu Terry Jumbled Logo Pato loại trung bình, màu vàng kiwi trị giá 1.134.158 đồng.

+ 02 túi xách hiệu Terry Jumbled Logo Pato loại trung bình, màu hồng trị giá 1.134.158 đồng.

+ 01 túi xách hiệu Neoprene Tote Bag loại trung bình có trị giá 1.091.314 đồng.

+ 05 túi xách hiệu BPK08XXSND Backpack 30L màu đen có trị giá 5.538.960 đồng.

Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 99 túi xách trị giá 80.824.686 đồng.

Ngày 08/3/2023, Trần Văn T bị bắt khi đưa các thùng hàng ra khỏi công ty; ngày 09/3/2023, Phạm Thành L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đầu thú khai nhận hành vi phạm tội. Cùng ngày, Lê Văn L1, Lê Thành N, Đinh Hoài E bị bắt khẩn cấp.

Tại Cáo trạng số 326/CT-VKS-DA ngày 31 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần Văn T và Phạm Thành L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Lê Văn L1, Đinh Hoài E, Lê Thành N, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị H và Lê Thị T2 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2024/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thành L, Trần Văn T, Lê Văn L1, Đinh Hoài E, Lê Thành N, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị H và Lê Thị T2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/3/2023 đến ngày 11/3/2023).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Phạm Thành L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, Lê Thành N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Đinh Hoài E 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Lê Văn L1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hương án treo, Nguyễn Thị T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Nguyễn Thị H 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Lê Thị T2 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định lại nội dung kháng cáo chỉ xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của

pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội chưa đạt, bị cáo tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo L, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang trị bệnh tim. Do đó, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm 121/2024/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo không ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: lợi dụng việc quản lý tài sản của Công ty TNHH P có nhiều sở hở nên từ khoảng tháng 10/2022 đến tháng 3/2023, Phạm Thành L, Trần Văn T, Lê Văn L1, Đinh Hoài E, Lê Thành N, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị H và Lê Thị T2 đã lén chiếm đoạt tài sản là túi xách của Công ty bán lấy tiền tiêu xài. Cụ thể: vào tháng 10/2022, Phạm Thành L cùng với Lê Thị T2, Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt 02 túi xách trị giá 2.200.520 đồng; tháng 11/2022, L cùng với Nguyễn Thị T1 chiếm đoạt 23 túi xách của Công ty giá 11.700.000 đồng; tháng 2/2023, L lén lút chiếm đoạt 45 túi xách các loại trị giá 41.924.166 đồng trên xưởng KC. Ngày 02/3/2023, L cùng với Lê Văn L1 và Đinh Hoài E lén lút chiếm đoạt 19 túi xách của Công ty trị giá 14.000.000 đồng; ngày 03/3/2023, L cùng với Lê Thành N chiếm đoạt 14 túi xách của Công ty trị giá 11.000.000 đồng. Đến ngày 05/3/2023, tại Công ty TNHH P, bị cáo Phạm Thành L rủ bị cáo Trần Văn T có hành vi lén lút dùng xe ô tô biển số 62LD-0479 chở 99 túi xách ra ngoài thì bị bảo vệ Công ty phát hiện bắt giữ. Tài sản chiếm đoạt trị giá 80.824.686. Việc các bị cáo chưa đưa được tài sản ra ngoài khỏi phạm vi của Công ty TNHH P là nằm ngoài ý chí chủ quan của các bị cáo.

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt 99 túi xách có trị giá 80.824.686 đồng của các bị cáo Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" (chưa đạt) quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn T theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội chưa đạt; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình; bị cáo đang điều trị bệnh tim. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù mà bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2023/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm 121/2024/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về hình phạt.

1.1 Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" (chưa đạt).

1.2 Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 15; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 57; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 10/7/2024).

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Văn T không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố D (3);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D;
- Bị cáo,
- Người tham gia tố tụng (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, HTHT, 25.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Đức